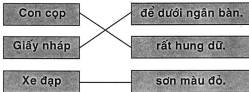


Bài 84

op ap

Nối



Điền : *op* hay *ap* ?



dây **cá**p



hộp **tổ**



tháp **n**ước

Viết (*Học sinh tự viết*)

Bài 85

ăp âp

Nối

Cái cặp

Bập bênh

Buổi sáng, cả nhà em

đều tập thể dục.

có quai đeo.

đặt giữa sân chơi.

Điền : ăp hay âp ?



nấp sau tường



gấp sách



cây cao, cây thấp

Viết (Học sinh tự viết)

GiaiBaiTap123.com

Nối

Nhà lợp ngói

thơm phức.

Bánh xốp mới

trong hộp.

Mẹ đựng kẹo

rất mát.

Điền : *ốp* hay *ớp* ?



cánh cửa chớp



hộp bút



tốp ca

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 87

ep êp

Nối

Bà khép nhẹ

đồ xôi rất ngon.

Gạo nếp

xếp hàng vào lớp.

Chúng em

cánh cửa.

Điền : ep hay êp ?



ghi chép



gian bếp



dọn dẹp

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 88

ip up

Nối

Xe sau

như búp trên cành.

Trẻ em

đuổi kịp xe trước.

Ba mùa

chiếc chụp đèn.

Điền : *l* hay *u* ?



kính **l**úp



túp **l**ều



chim bìm bịp

Viết (Học sinh tự viết)

GiaiBaiTap123.com

Nối

Đàn gà con

có vị chua.

Chú mèo ướp

đang bắt chuột.

Rau diếp cá

kêu chiêm chiếp.

Điền : iệp hay ượ ?



thiệp mời



cướp cờ



Cá ướp muối

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 90

Ôn tập

Nối

Chập tối, gà

bị gãy chân chống.

Chiếc xe đạp

vào chuồng.

Em

giúp mẹ nhặt rau.

Điền : *áp, ep* hay *up* ?



cá mậ*p*



đé*p* nhạ*a*



bé*o* múp

Viết (*Học sinh tự viết*)

Bài 91

oa

oe

Nối

Cửa

tròn xoe.

Mắt

hé nở.

Hoa

đã khóa.

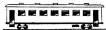
Điền : oa hay oe ?



xòe ô



xóa bảng

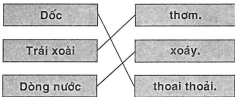


toa tàu

Viết (Học sinh tự viết)

GiaiBaiTap123.com

Nối



Điền : oai hay oay ?



xoài cánh



bà ngoại



viết ngoáy

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 93

oan

oăn

Nối

Các bạn tổ tôi thích học

có mái tóc xoăn.

Chị Mai đi xem

môn Toán.

Bạn Đông

liên hoan văn nghệ.

Điền : oan hay oăn ?



phiếu bé ngoan

dáng khỏe khoăn

đoàn tàu

Viết (Học sinh tự viết)

oang oăng

Nối

Mấy bạn gái

thoang thoảng.

Chiếc áo choàng

rộng thùng thình.

Bông hoa hồng thơm

nói liếng thoảng.

Điền : oang hay oăng ?



cổ dài ngoăng



vết dầu loang



cửa mở toang

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 95

oanh oach

Nối

Bộ quần áo

có trạm gác.

Chúng em

làm kế hoạch nhỏ.

Trước cửa doanh trại

mời toanh.

Điền : oanh hay oach ?



đứng khoanh tay



khoanh giò



vụ thu hoạch

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 96

oat

oắt

Nối

Chúng em

đi chậm lại.

Bạn lớp trưởng rà soát

sinh hoạt Sao nhi đồng.

Đến chỗ ngoặt, xe ô tô

đánh sách các nhóm.

Điền : oat hay oắt ?



cái đinh
nhọn hoắt



đoạt giải nhất



toát mồ hôi

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 97

Ôn tập

Nối

Đội cờ tướng
trường em

nhANH
thoán thoát.

Bạn Dũng đi

nước khoáng.

Em thích uống

đoạt giải nhì.

Điền : xoắn hay xoáy, ngoặt ?



dòng nước xoáy

Viết (Học sinh tự viết)



mái tóc xoắn



đường rẽ ngoặt

Nối

Bông hoa huệ

chở khách ra đảo.

Tàu thủy

tỏa bóng mát.

Lũy tre làng

trắng muốt.

Điền : uê hay uy ?



khuy áo



cây vạn tuế



múa chùy

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 99

ươ

uya

Nối

Giấy phơi-uya

hươ hươ cái vôi.

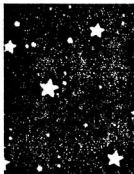
Chú voi

rất mỏng.

Một giọng hát trầm

văng vẳng giữa
đêm khuya.

Điền : ươ hay uya ?



sao khuya



uya

Viết (Học sinh tự ...)

Nối

Mỗi tuần lễ

Giờ kể chuyện,

Các anh chị

cô kể rất hay.

đang chơi
bóng chuyền.

có bảy ngày.

Điền : *uân* hay *uyên* ?



khuyên tai



lò luyện thép



huân chương

Viết (Học sinh tự viết)

© 2007 by TTHQ. All rights reserved.

Nối

Phải tôn trọng

luật giao thông.

Trong ngày
Quốc khánh

đôi khi
có băng tuyết.

Mùa đông, trên núi cao

có tuyết bình.

Điền : uât hay uyêt ?



phong cảnh
tuyệt đẹp



vầng trăng
khuyết



biểu diễn
nghệ thuật

Viết (Học sinh tự viết)

Nối

Hội phụ huynh
lớp em

bạn Châu cũ luỹnh quỳnh
mãi không gải lại được.

Quai dép
bị tuột,

dành nhiều phần thưởng
cho các bạn học giỏi.

Đèn huỳnh quang

rất sáng.

Điền : uynh hay uych ?



huỳnh vai bạn



họp phụ huynh

Viết (Học sinh tự viết)

Bài 103

Ôn tập

Nối

Luyện tập thể thao

mới biết đêm dài.

Con chim vành khuyên

để khỏe mạnh.

Thức khuya

bị nhốt trong lồng.

Điền : *ủy* hay *khuân*, *chuyển* ?



công nhân
khuân vác



sợi dây
chuyển



căn phòng
ủy ban

Viết (*Học sinh tự viết*)

.....

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Tập đọc Trường em

1. Viết tiếng trong bài :

- có vần **ai** : (thứ) hai, mái (trường)
- có vần **ay** : dạy (em), (điều) hay

2. Đánh dấu vào ô trống cho đúng :

Tiếng	mái	nhảy	chai	cay	trái	may
có vần ai	x		x		x	
có vần ay		x		x		x

3. Trong bài, trường học được gọi là gì ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Là ngôi nhà thứ

Chính tả

1. Chép lại bài *Trường em* (từ “Trường học” đến “anh em”).
Học sinh tự chép.

2. Điền : *ai* hoặc *ay* ?



gà mái



máy ảnh



chải tóc



suối chảy

3. Điền : *c* hoặc *k*.

cá vàng

kiến lửa

thuốc kẻ

quả cà

lá cọ

cái kim

Tập đọc

Tặng cháu

1. Viết tiếng trong bài có vần **au** : cháu, sau
2. - Đọc : ngôi sao, cao, rau cải, màu sắc, tờ báo, trắng phau

Viết lại : 2 tiếng có vần **ao** : sao, cao.

2 tiếng có vần **au** : rau, phau.

3. Nối các ô chữ thành câu và viết lại câu vào chỗ trống :

1 Bác Hồ mong bạn học sinh

2 ra công học tập

4 giúp nước nhà

3 để lớn lên

Bác Hồ mong bạn học sinh ra công học tập để lớn lên giúp nước nhà.

Chính tả

1. Chép lại bài *Tặng cháu* (Học sinh tự viết).

2. a) Điền : *n* hoặc *l*.



Con cò
bay lả bay la.



Chim hót líu lo.



Bé ngủ trong nôi.

b) Điền dấu ‘ hoặc dấu “ trên những chữ in đậm :

quyển vở

tổ chim

bé ngã

chỗ xối

Tập đọc

Cái nhãn vở

1. Viết tiếng trong bài có vần **ang** : Giang, trang (bìa), trang (trí)
2. Đánh dấu x vào ô trống cho đúng :

Tiếng	củ lạc	lá bàng	làng	con vạc	họ hàng
có vần ang		x	x		x
có vần ac	x			x	

3. Bố Giang khen bạn ấy thế nào ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Đã tự mình viết được nhãn vở.

Tập đọc

Bàn tay mẹ

1. Viết tiếng trong bài có vần **an** : bàn (tay)
2. Viết lại :
 - 2 tiếng có vần **an** : cây đàn, hoa lan.
 - 2 tiếng có vần **at** : mát, tát nước, hát.
3. Viết lại câu văn diễn tả tình cảm của Bình với đôi bàn tay mẹ :
Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ.

Chính tả

1. Chép lại bài *Bàn tay mẹ* (từ "Hàng ngày" đến "một chậu tã lót đầy")
(Học sinh tự viết).

2. Điền : *an* hoặc *at*.



kéo **đàn**



tát **nước**



đánh bóng **bàn**

3. Điền : *g* hoặc *gh*.

nhà **ga**

gếnh **thác**

đàn **gà**

cái **ghế**

gạo **nếp**

ghi **chép**

Tập đọc

Cái Bống

1. Viết tiếng trong bài có vần *anh* : gánh

2. Đánh dấu x vào ô trống cho đúng :

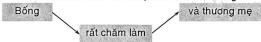
Tiếng	khách	tranh	vách	nhanh	mách
có vần <i>anh</i>		x		x	
có vần <i>ach</i>	x		x		X

3. Bống đã làm gì giúp mẹ ? Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu.

Bống *khéo sắp, khéo sàng* cho mẹ nấu cơm.

Khi mẹ đi chợ về, đường trơn, Bống *ra gánh đỡ mẹ*.

4. Nối các ô chữ thành câu và viết lại câu vào chỗ trống :



Bống rất chăm làm v

Chính tả

1. Viết lại bài *Cái Bống* (Học sinh tự viết).
2. Điền : *anh* hoặc *ach*.



hộp bánh



túi xách



bức tranh

3. Điền : *ng* hoặc *nh*.

ngà voi

lắng nghe

ngoan ngoãn

nghỉ ngơi

nghề nghiệp

ngôi sao

Tập đọc

Vẽ ngựa

- Viết tiếng trong bài có vần *ưa* : ngựa, chua, đưa.
- Đọc : cua, chua, đưa, thua, đưa, sữa, mùa
- Viết lại : 2 tiếng có vần *ưa* : *đưa, đưa, sữa*.
2 tiếng có vần *ua* : *cua, chua, thua, mùa*.
- Vì sao nhìn tranh bà không nhận ra con ngựa ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
☒ Vì bé vẽ ngựa không ra hình ngựa.
- Điền : *trông* hoặc *trông thấy*.



Bà *trông* cháu.



Bà *trông thấy* một

Tập đọc

Hoa ngọc lan

1. Viết tiếng trong bài có vần *ăp* : *khắp (vườn), khắp (nhà)*.
2. Viết lại : - 2 tiếng có vần *ăm* : *chăm, nằm*.
- 2 tiếng có vần *ăp* : *bắp ngô, cặp, thấp đèn*.
3. a) Nụ hoa ngọc lan màu gì ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
☒ Trắng ngần

b) Hương hoa ngọc lan thơm như thế nào ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Ngan ngát.

4. Viết cho đúng tên loài hoa dưới mỗi tấm ảnh.

hoa mai, hoa hồng, hoa nhài, hoa sen, hoa bưởi, hoa phong lan



hoa hồng



hoa mai



hoa nhài



hoa bưởi



hoa sen



hoa phong lan

Chính tả

1. Chép lại bài *Nhà bà ngoại* (Học sinh tự viết).

2. Điền : *ăm* hoặc *ăp*.

Năm nay, Thắm đã là học sinh lớp Một. Thắm chăm học, biết tự
tăm cho mình, biết sắp xếp bàn học ngăn nắp.

3. Điền : *c* hoặc *k*.

hát đồng ca

kiên trì

chơi kéo co

căn nhà

kể chuyện

con cua

Tập đọc

Ai dậy sớm

1. Viết tiếng trong bài :

- có vần **ươn** : vườn
- có vần **ương** : hương

2. Viết một câu chứa tiếng có vần **ươn** hoặc **ương** :

Trong vườn trường, muôn loài hoa tỏa hương thơm ngát.

3. Khi dậy sớm, điều gì chờ đón em :

- ở ngoài vườn ? - Hoa ngát hương chờ đón em ở ngoài vườn.
- trên cánh đồng ? - Vùng đồng chờ đón em trên cánh đồng.
- trên đồi ? - Cả đất trời chờ đón em trên đồi.

4. Bài thơ khuyên em điều gì ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý em tán thành :

- ☒ Khuyên em dậy sớm sẽ thấy được cảnh đẹp của thiên nhiên.

Chính tả

1. Chép lại câu đố (Học sinh tự viết).

2. a) Điền : **tr** hoặc **ch**.



thi **ch**ạy



tranh **tr**óng



sao **ch**ổi



bụi **tr**e

b) Điền : **v** hoặc **d**, **g**.

quyển **v**ở

giỏ **d**á

cặp **d**á

chữ viết tay

màu **v**àng

chữ viết tay

Tập đọc

Mưu chú Sẻ

1. Viết tiếng trong bài có vần **uôn** : muợn.
2. - Đọc : rau muống, bánh cuốn, luộc khoai, buồn, chuồng chim
- Viết lại : 2 tiếng có vần **uôn** : *bánh cuốn, buồn*
2 tiếng có vần **uống** : *rau muống, luộc khoai, chuồng chim.*
3. Khi Sẻ bị Mèo chộp được, Sẻ đã nói gì với Mèo ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
☒ Sao anh không rửa mặt ?
4. Chọn xếp các ô chữ thành câu nói đúng về chú Sẻ trong bài, rồi viết lại :

Sẻ

thông minh

ngốc nghếch

Sẻ thông minh.

Tập đọc (*)

Mẹ và cô

1. Viết tiếng trong bài có vần **uôi** : buổi (sáng).
2. Đánh dấu x vào ô trống cho đúng :

Tiếng	cười	tuổi	luối	muối	buổi
có vần uôi		x		x	
có vần ươi	x		x		x

3. Viết những dòng thơ nói lên tình yêu của bé :

- với cô giáo :
 - Buổi chiều bé chào cô.
 - Chạy tới ôm cổ cô.
- với mẹ :
 - Buổi sáng bé chào mẹ.
 - Rối sà vào lòng mẹ.

Chính tả

1. Viết lại bài *Mẹ và cô* (4 dòng đầu) (*Học sinh tự viết*).
2. Điền : *uôi* hoặc *ươi*.

Khánh năm tuổi, đã theo anh ra vườn tưới cây. Nhờ anh em Khánh chăm tưới cây cối trong vườn rất tươi tốt.

3. Điền : *g* hoặc *gh*.



gánh thóc



gội đầu



ghé vai

Tập đọc (*)

Quyển vở của em

1. Viết tiếng trong bài có vần *lết* : viết.

2. Viết lại :

- 2 tiếng có vần *lết* : *hiếu biết, tiết kiệm, diệt ruồi.*

- 2 tiếng có vần *uyêt* : *khuyết điểm, tuyết trắng.*

3. Bạn nhỏ thấy gì khi mở quyển vở ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Thấy những trang giấy trắng thơm tho, mát rượi.

☒ Thấy những trang giấy trắng với dòng chữ màu xanh.

Chính tả

1. Chép lại bài *Quyển vở của em* (4 dòng cuối) (Học sinh tự viết).
2. Điền : *iết* hoặc *uyết*.



vầng trăng khuyết



nước chảy xiết

3. Điền : *ng* hoặc *nh*.

bé ngủ

con nhé

ngọn cây

ông nghỉ trưa

ng

Tập đọc (*)

Con quạ thông minh

1. Viết tiếng trong bài có vần *ên* : liên.
2. - Đọc : liên hoan, truyện, biển, khuyên bảo, miễn, chiến thắng.
- Viết lại : những tiếng có vần *iên* : *liên hoan, biển, miễn, chiến thắng.*
những tiếng có vần *uyên* : *truyện, khuyên bảo.*

3. Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Vì sao quạ không thể uống nước trong lọ ?

☒ Vì nước trong lọ ít, cổ lọ cao.

b) Để uống được nước, quạ nghĩ ra kế gì ?

☒ Bỏ sỏi vào lọ cho nước dâng lên.

4. Điền : *tìm* hoặc *tìm thấy*



Nam tìm bút.



Nam



Ưu mèo.

Tập đọc

Ngôi nhà

1. Đánh dấu x vào ô trống cho đúng :

Tiếng	yếu	biểu	chiếu	yêu	thiếu
có vần <i>lêu</i>		x	x		x
có vần <i>yêu</i>	x			x	

2. Viết lại :

- Hai dòng thơ tả hoa xoan :

Hoa xao xuyên nở

Như mây từng chùm

- Hai dòng thơ tả tiếng chim :

Em yêu tiếng chim

Đầu hồi lảnh lót

Chính tả

1. Chép lại bài *Ngôi nhà* (4 dòng cuối).

Học sinh tự viết.

2. Điền : *lêu* hoặc *yêu*.

Hiếu chăm ngoan, học giỏi, có năng khiếu vẽ. Bố mẹ rất yêu quý Hiếu.

3. Điền : *c* hoặc *k*.



Bà kể chuyện.



Ông trống



Hai mẹ con chơi trò chơi

Tập đọc

Quả của bố

- Viết tiếng trong bài có vần **oan** : ngoan.
- Đọc : xoan, soát vé, môn toán, thoát, máy khoan, hoạt bát
- Viết lại : những tiếng có vần **oan** : *xoan, môn toán, máy khoan.*
những tiếng có vần **oat** : *soát vé, thoát, hoạt bát.*
- Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
 - Bố bạn nhỏ là bộ đội ở đâu ?
☒ Ở tận vùng đảo xa.
 - Bố gửi cho bạn những quà gì ?
☒ Cả hai ý trên.
- Ghi nghề nghiệp của bố (hoặc mẹ) em :
Bố (mẹ) em là *giáo viên*.

Chính tả

1. Chép lại bài *Quà của bố* (từ "Bố gửi" đến "cái hồn") (Học sinh tự viết).
2. Điền : *s* hoặc *x*.



xe lu



dòng sông



con sóc

3. Điền : *im* hoặc *lêm*.

trái *tim*

lúa *chiêm*

kim *tiêm*

khiêm *tốn*

cây *kim*

kim *tiêm* (cây kim)

Tập đọc

Vì bây giờ mẹ mới về

1. Viết tiếng trong bài có vần **ưt** : đứt (tay).
2. - Đọc : sức khỏe, đứt khoát, đạo đức, mức nước, vút bỏ, vực sâu.
- Viết lại : những tiếng có vần **ưt** : *đứt khoát, vút bỏ.*

những tiếng có vần **ưc** : *sức khỏe, đạo đức, mức nước, vực sâu.*

3. Vì sao cậu bé bị đứt tay, đến khi mẹ về mới khóc ? Ghi dấu x vào ☐ trước câu trả lời em thích :

☒ Vì cậu làm nũng mẹ, muốn được mẹ thương.

4. Ghi lại một câu hỏi và một câu trả lời trong bài văn.

- a) - Con làm sao thế ?
- b) - Con bị đứt tay !

Tập đọc

Đắm sen

- Viết tiếng trong bài có vần **en** : sen, ven (làng), chen (nhau),...
- Gạch dưới các tiếng có vần **en**, vần **oen** trong các câu văn sau :
 - Cả thiên hạ khén chuỗi ngự Nam Định là thơm ngon và lành.
 - Những anh gọng vó đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp chân gọng vó đứng trên bãi lầy thán phục nhìn theo chúng tôi.
 - Một cái vũng nước nông chően chően nằm bên lề đường.
- Khi nở, hoa sen trông đẹp như thế nào ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
☒ Cánh hoa đỏ nhạt xòe ra, phô đài sen và nhị vàng.
- Viết lại câu văn tả hương sen trong bài :
Hương sen ngan ngát

Chính tả

1. Ghép lại bài *Hoa sen* (Học sinh tự viết).

2. Điền : **en** hoặc **oen**.



nông choèn



cửa xoèn xuyệt



thợ rèn

3. Điền : **g** hoặc **gh**.

con **ghẹ**

bè **gỗ**

ga **tàu**

đường **gỗ ghế**

chiếc **ghim** áo

con **gấu**

Tập đọc

Mời vào

- Viết tiếng trong bài có vần **ong** : trong.
- Viết tiếp các tiếng :
 - có vần **ong** : bông, mong, ong, lòng, xong, cong, nóng,...
 - có vần **oong** : xoong (chảo), (loang) coong, (cải) xoong,...
- Trong bài, những ai đã đến gõ cửa ngôi nhà ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
☒ Thỏ, Nai, Gió.
- Gió được chủ nhà mời vào để làm gì ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
☒ Cả hai ý trên.

Chính tả

1. Viết khổ thơ 1 và 2 của bài *Mời vào* (Học sinh tự viết).

2. Điền : **ong** hoặc **ong**.

Nam học giỏi. Bố thường cho em một chuyến đi tham quan vịnh Hạ Long. Đứng trên **boong** tàu, ngắm mặt biển rộng, Nam **mong** lớn lên sẽ trở thành thủy thủ.

3. Điền : **ng** hoặc **ng**.

nghe nhạc

đường **đồng** **ngặt**

đàn **ngan**

ngọn **tháp**

nghe **nông**

thơm **ngát**

Tập đọc

Chú công

1. Viết tiếng trong bài có vần **oc** : ngọc.
2. Gạch dưới các tiếng :
 - có vần **oc** : cọc tre, bóc vỏ, đọc sách, hạt thóc, khóc nhè
 - có vần **ooc** : con voọc, quần soọc, rơ-mơóc

3. Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Lúc mới chào đời, chú công nhỏ có bộ lông màu gì ?

☒ Màu nâu gạch.

b) Sau vài giờ, chú công nhỏ đã biết làm gì ?

☒ Xòe cái đuôi nhỏ xíu thành hình rề quạt.

4. Viết lại câu văn tả vẻ đẹp của chiếc lông đuôi con công trống :

Mỗi chiếc lông đuôi óng ánh màu xanh sẫm, được tô điểm bằng những đốm tròn đủ màu sắc. Khi giương rộng, đuôi xòe tròn như một cái quạt lớn có đỉnh hàng trăm viên ngọc lỏng lánh.

Tập đọc

Chuyện ở lớp

- Viết tiếng trong bài có vần **uốt** : vuốt (tóc).
- Gạch dưới các tiếng :
 - có vần **uốt** : cuộc sống, cuộc đất, thuộc bài, viên thuốc, luộc rau.
 - có vần **uốt** : đau buốt, trắng muốt, nuốt nước bọt, tuốt tay.
- Bạn nhỏ kể cho mẹ nghe những chuyện gì ở lớp ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng trong bài :
☒ Tất cả những chuyện trên.
- Ghi lại ba dòng thơ là lời mẹ nói với bạn nhỏ :
 - Mẹ chẳng nhớ nổi đâu*
 - Nói mẹ nghe ở lớp*
 - Con đã ngoan thế nà*

Chính tả

1. Chép lại bài *Chuyện ở lớp* (4 dòng cuối) (Học sinh tự viết).
2. Điền : *uốt* hoặc *uốc*.



buộc tóc



chuột đồng



thầy thuốc

3. Điền : **c** hoặc **k**.

túi **k**ẹo

quả **c**am

cao ngất

cà **c**ấy

kéo **c**ơ

con **k**iến

Tập đọc

Mèo con đi học

1. Viết tiếng trong bài có vần **ưu** : cừu.
2. Gạch dưới các tiếng có vần **ưu** và vần **ưu** trong các ví dụ sau :

- Thân cây bàng đầy những hốc bướu cổ quái.

- Dưới trăng quỳn đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập lòe đăm bông.

3. Viết câu chứa tiếng có vần **ưu** (hoặc **ưu**) :

Tiếng có vần **ưu** : *Bé rất thích ăn quả lựu. / Bà ngoại đã nghỉ hưu.*

Tiếng có vần **ưu** : *Em nhìn thấy hươu cao cổ qua ti vi.*

4. Mèo kiểm có gì để trốn học ? Viết lại câu Mèo viện cớ để không đi học :

Cái đuôi tôi ốm.

5. Viết lại lời Cừu nói với Mèo :

- *Tôi sẽ chữa lành.*

- *Nhưng muốn cho ni*

Chính tả

1. Chép tiếp những dòng còn thiếu trong bài *Mèo con đi học* (8 dòng đầu).

Mèo con buồn bực

Cừu mới be toán.

Mai phải đến trường

- Tôi sẽ chữa lằn

Bền kiếm cơ luôn :

Nhưng muốn cho . . . nhanh

- Cái đuôi tôi ốm.

Cắt đuôi khỏi hết !

2. a) Điền : *r* hoặc *d, g*.

Thấy giáo dạy học.

Đàn cá rô lội nước.

Gia đình hòa thuận.

b) Điền : *lên* hoặc *in*.



Đàn kiến đang đi.



Bé giữ gìn sách

Bé nhảy dây.

Trồng cây gây rừng.

Dân giàu nước mạnh.



Ông đọc bản tin.



Tập đọc

Người bạn tốt

1. Viết tiếng trong bài :

- có vần **ưc** : Cúc
- có vần **ưt** : bút (chì)

2. Gạch dưới tiếng có vần **ưc** hoặc **ưt** trong đoạn văn sau :

Anh chàng trống này chúng tôi quen ngay từ lúc mới vào lớp Một. Minh anh là một thứ thùng gỗ tròn trùng trục như một cái chum. Đứng giờ không sai một phút, anh cất tiếng ồm ồm giục già : “Tùng... tùng... tùng...”.

3. Ghi dấu x vào ☐ trước tên người đã cho Hà mượn bút :

☒ Nụ

4. Người giúp Cúc sửa dây đeo cặp là bạn : Hà.

5. Ghi dấu x vào ☐ trước ý em cho là đúng với nội dung bài :

☒ Người bạn tốt là người luôn giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn.

Tập đọc

Ngưỡng cửa

1. Viết tiếng trong bài có vần **ất** : đất.

2. Viết câu chứa tiếng :

- có vần **ất** : Mẹ **đất** bé đến lớp.

- có vần **ắc** : Bé **mặc** quần áo giúp em.

3. Ai dắt em bé tập đi men ngưỡng cửa ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Bà, mẹ

4. Nối ô chữ ở cột A với những ô chữ thích hợp ở cột B :

A

B

đi đến lớp học

Bạn nhỏ qua ngưỡng cửa để

đến những con đường
xa tắp.

Chính tả

1. Chép lại bài *Ngưỡng cửa* (4 dòng cuối) (Học sinh tự viết).

2. Điền : *ất* hoặc *ắc*.

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| - Họ bắt tay chào nhau. | - Bé treo áo lên mắc. |
| - Gió mùa đông bắc tràn về. | - Cảnh tượng thật đẹp mắt. |

3. Điền : **g** hoặc **gh**.

Đã hết giờ học, Ngân **g**ấp truyện, **gh**i lại tên truyện. Em đứng lên, kê lại bàn **gh**ế ngay ngắn, trả sách cho thư viện rồi vui vẻ ra về.

GiaiBaiTap123.com

Tập đọc

Kể cho bé nghe

1. Viết tiếng trong bài có vần **ước** : nước.

2. Điền vần **ước** hoặc **ươt** vào chỗ trống :

- Mùa xuân, phượng ra lá. Lá xanh **mướt** mát rượi, ngon lành như lá me non.

- Cùi vải dày như cùi dừa nhưng không trắng bạch mà trắng ngà. Đặt lên lưỡi, cắn một miếng, thì **nước** chan hòa, ngọt sắc, nhai thì mềm mà lại giòn...

3. Em hiểu **con trâu sắt** trong bài là gì ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Là máy cày.

4. Nối câu hỏi ở cột A với lời giải đáp thích hợp ở cột B :

A

B

Con gì hay nói ầm ĩ ?

Con nhện con

Con gì hay hỏi *đâu đâu* ?

Con vịt bầu

Con gì hay chằng dây điện ?

Con cua, con cáy

Cái gì ăn no quay tròn ?

Con chó vện

Con gì dùng miệng nấu cơm ?

Cái cối xay lúa

Chính tả

1. Chép tiếp những dòng còn thiếu trong bài *Kể cho bé nghe* (8 dòng đầu) (*Học sinh tự viết*).

2. Điền : *ước* hoặc *ướt*.



Mái tóc rất ướt.



Dùng thước đo vải.



Bơi thuyền ngược dòng.



Dáng điệu thuột tha.

3. Điền : *ng* hoặc *ngh*.

Ngày mới đi học, Cao Bá Quát viết chữ xấu như gà bới. Sau nhờ kiên trì luyện tập ngày đêm quên cả nghỉ ngơi, ông đã trở thành người nổi tiếng vì

Tập đọc

Hai chị em

1. Viết tiếng trong bài có ẩn *et* : hét (lên).
2. Điền tiếng có vần *et* hoặc *oet* vào chỗ trống :
 - Đoàn tàu sắp vào ga. Nó hét lên mấy tiếng còi.
 - Thằng Quang nhìn lên toét miệng cười.

3. Điền : **et** hoặc **oet**.

- Ngày Tết, ở miền Nam, nhà nào cũng có bánh tét.
- Chim gõ kiến khoét thân cây tìm tổ kiến.

4. Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Khi chị động vào con gấu bông, cậu em đã làm gì ?

☒ Nói : "Chị đừng động vào con gấu bông của em !"

b) Khi chị lên dây cót chiếc ô tô nhỏ, cậu em đã làm gì ?

☒ Hét lên : "Chị hãy chơi đồ chơi của chị ấy !"

5. Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời em tán thành :

Cậu em thấy buồn khi ngồi chơi một mình vì :

☒ Không có người chơi cùng

Tập đọc

Hồ Gươm

1. Viết tiếng trong bài có vần **ươm** : gương.

2. Viết câu chứa tiếng :

- có vần **ươm** : - Lượm được của rơi phải trả lại người mất.
- Bạn Lan có chiếc kẹp tóc hình cánh bướm rất xinh.
- có vần **ươm** : - Giàn mướp nhà bà sai trĩu quả.
- Ngoài phố xe cộ đi lại nườm nượp.

3. Hồ Gươm là cảnh đẹp ở đâu ? Viết ý trả lời đúng vào chỗ trống :

Hồ Gươm là cảnh đẹp ở Hà Nội.

4. Viết tiếp cho trọn ý của câu sau :

Từ trên cao nhìn xuống, mặt Hồ Gươm như *một chiếc gương
bầu dục khổng lồ, sáng long lanh.*

Chính tả

1. a) Chép lại bài Hồ Gươm (từ "Cầu Thê Húc màu son" đến "cổ kính") :

Cầu Thê Húc màu son, cong như con tôm, dẫn vào đền Ngọc Sơn. Mái đền lấp ló bên góc đa già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là Tháp Rùa, tường rêu cổ kính.

b) Trong bài chính tả trên có 3 câu.

Cuối mỗi câu có dấu chấm câu.

2. Điền : **ươm** hoặc **ướp**.



trò chơi **cướp** cờ



những lượm lúa vàng **ươm**



Bướm bay dập dờn



giàn **mướp** bên bờ ao

3. Điền : **c** hoặc **k**.

qua **cầu**

thổi **kèn**

gỗ **kèng**

đóng **cửa**

diễn **kịch**

quả **cam**

Tập đọc

Lũy tre

1. Viết tiếng trong bài có vần *iêng* : tiếng.
2. Điền tiếng có vần *iêng* vào chỗ trống ở các ví dụ sau :
 - Đàn cò áo trắng
Khiêng nằng qua sông.
 - Chon chim sơn ca bay *liêng* trên trời.
3. Điền : *iêng* hoặc *yêng*.



Lễ hội cồng chiêng ở
Tây Nguyên rất vui.



Miệng nói tay làm



Chim *yêng* biết nói
tiếng người.



Ếch ngồi đáy giếng.

4. Ghi lại những câu thơ tả lũy tre vào buổi trưa :

Những trưa đồng đầy nắng

Trâu nằm nhai bóng râm

Tre bắn thân nhờ gió

Chợt về đầy tiếng chim.

Chính tả

1. Chép lại bài *Lũy tre* (4 dòng đầu) (*Học sinh tự viết*).

2. Điền : *n* hoặc *l*.

trâu no cỏ

chùm quả lê

nắm tay nhau

lắng tai nghe

gà mới nở

củ khoai lang

3. Điền dấu ' hoặc dấu ~ trên những chữ in nghiêng :



Bà đưa *vỗng* ru bé *ng*



Cô bé trộm khăn *đỏ*

Tập đọc

Sau cơn mưa

1. Viết tiếng trong bài có vần ây : mấy, mây, bấy, quây.

2. Gạch dưới các tiếng :

- có vần ây : đám mây, thấy giáo, đầy đủ, lấy lợi.

- có vần uây : khuấy động, ngoe nguấy, nguấy nguấy.

3. Viết tiếp câu tả mọi vật sau trận mưa rào :

- Những đóa hoa râm bụt *thêm đỏ chói.*

- Bầu trời *xanh bóng như vừa được gội rửa.*

- Mấy đám mây bông *trôi nhón nhơ, sáng rực lên trong ánh mặt trời.*

4. Chép câu văn tả đàn gà sau trận mưa :

Mẹ gà mừng rỡ "tục, tục" dắt bảy con quây quanh vũng nước đọng trong vườn.

Tập đọc
Cây bàng

1. Viết tiếng trong bài có vần **ang** : khoảng (sân).

2. Gạch dưới các tiếng :

- có vần **oang** : nước khoang, hoang phí, hoang hốt, đàng hoang
- có vần **oac** : chuệch choac, loac choac, rách loac, xoac chân, áo khoac.

3. Viết câu chứa tiếng :

- có vấn **oang** : Mẹ dặn em không nên hoang phí đồ dùng.
- có vấn **oac** : Nam bị rách toác áo.

4. Nối tên mùa với đặc điểm cây bàng từng mùa :



5. Cây bàng đẹp nhất v^à —————

Chính tả

1. Chép lại bài *Cây bàng* (từ "Xuân sang" đến hết) (*Học sinh tự viết*).
2. Ghi dấu . hoặc dấu ? vào ☐ thích hợp :
 - a) Xuân sang, cảnh bàng như thế nào ☐ ?
 - b) Xuân sang, cảnh bàng chỉ chỉ những lộc non mơn mẩn ☐ .
 - c) Hè về, những tán lá bàng che mát một khoảng sân trường ☐ .
 - d) Hè về, những tán lá bàng như thế nào ☐ ?

3. Điền : **oang** hoặc **oac**.



Cửa sổ
mở **oang**.



Bố mặc
áo khoác.



Thoang thoảng hoa
nhà mà lại thơm lâu.

4. Điền : **g** hoặc **gh**.



gõ trống



chơi đàn **gh**i ta



Con thuyền vượt **g**h



ường

Tập đọc

Đi học

1. Viết tiếng trong bài có vần **ăng** : lặng, vắng, nắng.
2. Gạch dưới các tiếng :
 - có vần **ăn** : khăn rắn, xe lăn, mặn má, thẳng thần
 - có vần **ăng** : găng tay, lặng hoa, bằng phẳng, vắng vẻ

3. Khổ thơ nào tả cảnh đẹp của đường tới trường ? Ghi dấu x vào

☐ trước ý trả lời đúng

☒ Khổ thơ thứ ba.

4. Viết vào dưới tranh câu thơ ứng với nội dung tranh :



Trường của em bé bé
Nằm lặng giữa rừng cây



Nước suối trong thẳm thì



Cô giáo em trẻ trẻ
Dạy em hát rất hay



Cả vào à cha nắng

đi.

Chính tả

1. Viết lại bài *Đi học* (8 dòng đầu) (*Học sinh tự viết*).
2. Điền : *ăn* hoặc *ang*.



Bé ngắm trăng.



Mẹ mang chăn ra
phơi nắng.



Trong bụi tre,
măng mọc thẳng.

3. Điền : *ng* hoặc *nh*.

- Ngõng đi trong ngõ.
- Nghe nghe mẹ gọi.
- Ngàn dâu xanh ngắt một màu.
- Nghiêng nghiêng buồng chuối bên hè.

GiaiBaTap123.com

Tập đọc

Nói dối hại thân

1. Viết tiếng trong bài có vần *it* : thịt.

2. Gạch dưới các tiếng :

- có vần *it* : con vịt, thịt heo, khăn khít, rồi rít

- có vần *uyt* : huýt sáo, xoắn xuýt, lườn nguyt, xuýt xoa

3. Điền : *it* hoặc *uyt*.

- Mít chín thơm nức.

- Bình xăng năm lít.

- Xe buýt đẩy khách.

- Chơi trò "bịt mắt bắt dê".

4. Điền vào chỗ trống :

Khi chú bé chặn cầu giả vờ kêu cứu, các bác nông dân đã *tức tốc chạy tới* để cứu giúp.

5. Khi sói đến thật, chú bé kêu cứu, các bác nông dân đã làm gì ?

Ghi dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng ý trong bài :

☒ Thản nhiên làm việc.

6. Ghi lại sự việc kết thúc câu chuyện :

Bầy sói chẳng sợ ai !

Tập đọc

Bác đưa thư

1. Viết tiếng trong bài có vần *inh* : Minh.
2. Gạch dưới các tiếng :
 - có vần *inh* : lung linh, quang vinh, ngộ ngĩnh, truyền hình
 - có vần *uynh* : phụ huynh, hoa quỳnh, khuynh tay, đèn quỳnh quang.

3. Nhận được thư của bố, Minh muốn làm gì ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Chạy thật nhanh vào nhà khoe với mẹ.

4. Nối từ cột A với từ ngữ ở cột B chỉ việc làm của Minh khi em thấy bác đưa thư mỗ hỏi nhể nhại :

A

B

Minh

lấy khăn cho bác lau mỗ hỏi.

quạt cho bác rảo mỗ hỏi.

hỏi thăm xem bác có nóng không.

rối cốc nước lạnh mời bác.

5. Ghi lời của Minh :

a) Khi gặp bác đưa thư :

- Minh : *Cháu chào bác ạ !*

- Bác đưa thư : Chào cháu ! Cháu ở số nhà này phải không ?

b) Khi Minh mời bác uống nước :

- Minh : *Cháu mời bác uống nước ạ !*

- Bác đưa thư : Cảm

Chính tả

1. Chép lại bài *Bác đưa thư* (từ "Bác đưa thư" đến "mồ hôi nhễ nhại") (Học sinh tự viết).
2. Khoanh tròn vào con số chỉ số dấu chấm có trong bài :

2

3

4

⑤

Chữ đầu sau dấu chấm phải viết *hoa*.

3. Điền : *inh* hoặc *uynh*.



bình hoa



khuỳnh tay



Khinh khí
cầu đang bay.

4. Điền : *c* hoặc *k*.

củ mèo

dâng bánh

va mít kít

Tập đọc

Làm anh

- Viết tiếng trong bài có vần *ia* : chia.
- Gạch dưới các tiếng :
 - có vần *ia* : bia sách, cây mia, thắm thia, đĩa kẹo
 - có vần *uya* : đêm khuya, giấy pơ-luya, phéc-mơ-tuya
- Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B.

A

B

Khi em bé ngủ

anh nhường em.

Khi em bé khóc

anh chia em phần hơn.

Khi mẹ cho quà bánh

anh nâng dịu dàng.

Khi có đồ chơi đẹp

anh phải dỗ dành.

4. Điền các từ ngữ : *thật khó, thật vui, yêu em bé* vào chỗ trống thích hợp :

Làm anh *thật khó*

Nhưng mà *thật vui*

Ai *yêu em bé*

Thì làm được thôi.

5. Làm một trong hai bài :

a) Ghi lại một việc em đã đỡ dành em của em.

Hôm qua, mẹ đi chợ, em ở nhà trông em bé. Ngủ dậy, em bé liền khóc đòi mẹ, em hát ru cho bé ngủ.

b) Ghi lại một việc anh, chị của em đã nhường nhịn em.

Anh Hai có chiếc xe ô tô rất đẹp. Em rất thích, anh Hai đã cho em mượn chơi

Chính tả

1. Chép lại bài *Chia quà* (Học sinh tự viết).

2. Điền :

a) *s* hoặc *x*.



Sáo tập nói.



Bé xách túi.



Cây sai quả.

b) Điền : *v* hoặc *d*.



Hoa cúc vàng.



Vườn rau xanh tốt.

GiaiBaiTap123.com



Đàn dê ăn cỏ.

Người trồng na

1. Viết tiếng trong bài có vần **oai** : ngoài (vườn).

2. Gạch dưới tiếng :

- có vần **oai** : củ khoai, quả xoài, khoan khoái, phá hoại

- có vần **oay** : loay hoay, ghế xoay, hí hoáy, dòng nước xoáy

3. Điền tiếng có vần **oai** hoặc **oay** :



Bác sĩ nói chuyện
điện thoại.



Diễn viên múa
xoay người.



Luống khoai
xanh tốt.

4. Ghi dấu x vào ☐ trước lời khuyên của người hàng xóm
khuyến cụ già :

☒ Cụ trồng chuối có phải hơn không ? Chuối mau ra quả.

5. Viết lại các câu trả lời của cụ già :

- Có sao đâu ! Tôi không ăn thì con cháu tôi ăn. Chúng sẽ
chẳng quên người trồng.

6. Chép lại các câu hỏi có trong bài :

a) Cụ ơi, cụ nhiều tuổi sao còn trồng na ?

b) Cụ trồng chuối có phải hơn không ?

Tập đọc

Anh hùng biển cả

1. Viết tiếng trong bài có vần **uân** : huân (chương).

2. Viết câu chứa tiếng :

- có vần **ân** :
 - Cô ân cần chỉ bảo chúng em.
 - Ngoài sân, các bạn trai đang đá cầu.
- có vần **uân** :
 - Mùa xuân đã về !
 - Minh chuẩn bị đến trường.

3. Ghi dấu x vào ☐ trước câu chỉ đặc điểm của cá heo :

☒ Bơi nhanh vun vút như tên bắn và rất khôn.

4. Nối từ *cá heo* với những việc người ta có thể dạy nó :



5. Ghi dấu x vào ☐ em lựa chọn :

- Cá heo sống ở đâu ?

☒ Ở **biển**

- Cá heo sinh sản thế nào ?

☒ Để **con**

Chính tả

1. Chép lại bài *Loài cá thông minh* (Học sinh tự viết).
2. Khoanh tròn số lượng câu hỏi có trong bài chính tả :

②

3

4

3. Điền : **ân** hoặc **uân**.



khu**ân** vác



ph**ần** tr**ắ**ng

4. Điền : **g** hoặc **gh**.

gh**ép** c**ây**

m**úi** b**ướ**c

m**ũi** m**ũi**

Tập đọc

Ồ... Ó... Ồ

- Viết tiếng trong bài có vần **oắt** : (nhọn) hoắt.
- Viết câu chứa tiếng :
 - có vần **oắt** :
 - Mẹ bước nhanh thoăn thoắt.
 - Bé Mina loắt choắt.
 - có vần **oắc** :
 - Hôm nay, cô dạy bé viết dấu ngoặc kép.
 - Em và Trinh đang chơi ngoặc tay.
- Ghi dấu x vào ☐ trước từ ngữ chỉ thời gian gà gáy :

☒ Sáng sớm

- Nối *tiếng gà* với sự thay đổi của mọi vật :



5. Viết 2 câu về một con vật nuôi trong nhà em.

M : Nhà em có con gà mái mơ. Hôm nào nó cũng đẻ một quả trứng.

- Nhà em có con mèo tam thể rất đẹp. Nó có bộ vuốt sắc nhọn nên leo trèo rất giỏi.
- Nhà em có một con chó vện. Nó rất ngoan và khôn lanh vô cùng.

Chính tả

1. Viết lại bài *Ô ... ó ... o* (13 dòng đầu)

(Học sinh tự viết).

2. Điền : **oắt** hoặc **oắc**.



Cảnh đêm
khuya khoắt.



Hà gặp một
người lạ hoắc.

3. Điền: **ng** hoặc **nh**.

- a) Tiếng chim vách núi nhỏ dần
Rì rầm tiếng suối khi gần khi xa
Ngoài thềm rơi cái lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi **nh**giêng.

Trần Đăng Khoa

- b) Ngày xuân con én đưa thoi
Thiếu quang chín chục đã **ngo**ài sáu mươi.

Nguyễn Du

Tập đọc (*)

Không nên phá tổ chim

1. Viết tiếng trong bài có vần **ich** : chích (chòe).

2. Gạch dưới các tiếng :

- có vần **ich** : chim chích, truyện cổ tích, du lich, đùa ngrich

- có vần **uych** : huých tay, ngã huych, chạy huỳnh huych

3. Ghi dấu x vào ☐ trước lời của chị khuyên em khi thấy em bắt chim non :

☒ Hãy đặt lại chim vào tổ.

4. Ghi dấu x vào ☐ trước hành động của người em sau khi nghe lời chị khuyên :

☒ đem những chú chim non đặt lại vào tổ

5. Trả lời các câu hỏi :

- Bạn có dùng súng cao su bắn chim không ?

Không! Mình không dùng súng cao su bắn chim vì chim là người bạn của mình.

- Bạn có bắt chim non trong tổ không ?

Không! Mình không bắt chim non trong tổ vì để chim lớn sẽ bắt sâu giúp con ngu.

Tập đọc (*)

Sáng nay

1. Viết tiếng trong bài có vần **oe** : xoe.

2. Gạch dưới các tiếng :

- có vần **oe** : chích chòe, khỏe mạnh, tròn xoe, khỏe mắt

- có vần **oer** : khoeo chân, khỏe quả bưởi, ngẻo tay, ngẻo đầu

3. Ghi dấu x vào ☐ trước những vật cùng đi học với các bạn nhỏ sáng nay :

☒ Có ngàn tia nắng nhỏ

☒ Có trăm trang sách mở

4. Điền các từ ngữ *xếp thành hàng, tránh nắng, " i " gầy, " o " đội nón* vào chỗ trống để thấy sự ngộ nghĩnh của dòng chữ :

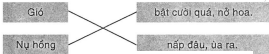
Tránh nắng, từng dòng chữ

Xếp thành hàng nhấp nhô

I gầy nên đội mũ

O đội nón là "ô".

5. Nối Gió và Nụ hồng với hành động đùa vui của chúng :



Chính tả

1. Viết lại hai câu đố trong sách giáo khoa trang 155 (*Học sinh tự viết*).
2. Điền : **tr** hoặc **ch**.

Chị Mái và cô Mơ

Chị Mái **ch**ăm một đàn con

Chân bơi, miệng gọi mắt tròn ngó **tr**ông

Cô Mơ đẻ một **tr**ứng hồng

Cục ta cục tác sân trong ngõ ngoài.

3. Điền : **c** hoặc **k**.

Câu đố

Cũng gọi là **c**ánh như chim

Những ngày lặng gió nằm im khoang thuyền

Chờ cơn gió **k**ộng kéo lên

Đưa thuy

Tập đọc (*)

Con chuột huên hoang

1. Viết tiếng có vần *uênh* : huên (hoang).

2. Điền : *uênh* hoặc *ênh*.

chơi bập *bênh*

cổng *bệnh* viện

đi *chuênh* choạng

gian nhà *tuênh* toàng

3. Ghi lí do Chuột trong câu chuyện này không sợ Mèo :

Con chuột trong bài này không sợ Mèo vì nó nghĩ : Mèo nhỏ hơn Thỏ, mà Thỏ lại sợ nó, vậy chắc chắn Mèo phải sợ nó, cho nên nó không sợ Mèo.

4. Ghi dấu x vào ☐ trước cách kết thúc câu chuyện :

☒ Mèo nhảy phắt xuống ngoạm ngay lấy Chuột.

Chính tả

1. Chép lại bài *Rước đèn (Học sinh tự viết)*.

2. Viết tiếng trong bài chính tả :

- có vần *iư* : riu (rit)
- có vần *uyu* : (khúc) khuỷu.

3. Điền :

- | | | |
|-----------------------------|--|-----------|
| - <i>c</i> hoặc <i>k</i> | cổng làng | cửa kính |
| - <i>g</i> hoặc <i>gh</i> | gọn gàng | xuống ghe |
| - <i>ng</i> hoặc <i>ngh</i> | - Ngôi nhà đang xây.
- Thiếu nhi tập nghi thức Đội. | |

Tập đọc

Lăng Bác

1. Chép hai dòng đầu và hai dòng cuối tả nắng trên Quảng trường Ba Đình :
 - a) Nắng Ba Đình mùa thu
Thắm vàng trên lăng Bác.
 - b) Nắng reo trên lễ đài
Có bàn tay Bác vẫy.
2. Từ ngữ nào tả bầu trời trên Quảng trường Ba Đình mùa thu ?
Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :
 - ☒ Vàng thắm.
 - ☒ Trong vắt.

3. Chép ba dòng thơ tả cảnh - tưởng của bạn nhỏ khi đi trên Quảng trường Ba Đình :

Bâng khuâng như vẫn thấy
Nắng reo trên lễ đài
Có bàn tay Bác vẫy

GiaiBaiTap123.com

Chính tả

1. Chép lại bài *Quả Sổi* (Học sinh tự viết).
2. Viết tiếng trong bài chính tả :
 - có vần *ăm* : nằm, ngấm.
 - có vần *ang* : trắng.
3. Điền : *r* hoặc *đ*, *gl*.

Rùa con đi chợ

Rùa con đi chợ *mùa xuân*
Mới đến cổng chợ bước chân sang hè
Mua xong chợ đã vãn chiều
Heo heo **gió** thổi cánh **diều** *mùa thu*.

Tập đọc

Gửi lời chào lớp Một

1. Chia tay lớp Một, bạn nhỏ chào những đồ vật nào ? Ghi dấu x vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☒ Cửa sổ, chỗ ngồi, bảng đen.

2. Bạn chào cô giáo và hứa với cô giáo :

Làm theo lời cô dạy

Cô sẽ luôn ở bên

Chính tả

1. Chép lại bài *Quyển sách mới* (Học sinh tự viết).

2. Viết tiếng trong bài chính tả :

- có vần *anh* : khánh, tranh, ảnh

- có vần *ach* : sách.

3. Điền : *anh* hoặc *ach*.

Bà em kém mắt

Mà đi rất nhanh

Bà không nhìn sách

Mà thuộc vanh vách

Chuyện xưa c

Tập đọc

Hai cậu bé và hai người bố

1. Viết tiếng trong bài :

- có vần *iết* : viết.
- có vần *iêc* : việc.

2. Viết tiếp các câu :

- Bố Sơn là bác sĩ. Bố Sơn *chữa bệnh cho người bị ốm.*
- Bố Việt trồng lúa. Lúa gạo do bố Việt trồng, dùng để *nuôi sống con người.*

Chính tả

1. Chép lại bài *Xĩa cá mè (Học sinh tự viết)*.
2. Viết lại các chữ trong bài chính tả bắt đầu bằng c : cá, chép, củ, cho.

3. Điền : *lên, iêng, hoặc uyên*.

Thuyền ngủ bãi

Bác thuyền ngủ rất lạ

Chẳng chịu trèo lên giường

Úp mặt xuống cát vàng

Nghiêng tai về phía biển

GiaiBaiTap123.com

Tập đọc

Mùa thu ở vùng cao

1. Viết tiếng trong bài :

- có vần **ương** : nương, tương.
- có vần **ước** : nước.

2. Chép các câu văn tả cảnh mùa thu ở vùng cao :

- Bầu trời *xanh trong*.
- Những dãy núi *dài, xanh biếc*.
- Nương ngô *vàng mượt* Nương lúa *vàng óng*

Chính tả

1. Chép lại bài *Ông em (Học sinh tự viết)*.
2. Viết những chữ trong bài chính tả bắt đầu :
 - bằng **ng** : ngày, ngồi.
 - bằng **nh** : nghe.
3. Điền : **ươ** hoặc **ôi**.

Trắng của mỗi người

Mẹ bảo : trắng như **lưỡi** liềm

Ông rằng : trắng tựa con thuyền cong mui

Bà nhìn : như hạt cau phơi

Cháu cười : quả chuối vàng tươi ngoài vườn.